

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DAVIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DAVIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAVIN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAVIN INVESTMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109020043

3. Ngày thành lập: 10/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 10, tòa nhà Diamond flower, lô đất C1, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây ăn quả	0121
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
3.	Trồng cây lâu năm khác Trồng cây cảnh lâu năm	0129
4.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
5.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
7.	Bán buôn thực phẩm Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả	4632
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
12.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)	5630
15.	Cổng thông tin (Trừ cổng thông tin báo chí)	6312
16.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
17.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820(Chính)
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
23.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
25.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; - Tư vấn chứng khoán;)	7490
26.	Đại lý du lịch	7911
27.	Điều hành tua du lịch	7912
28.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
29.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
30.	Vệ sinh chung nhà cửa Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như: + Văn phòng, + Căn hộ hoặc nhà riêng, + Nhà máy, + Cửa hàng, + Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác,	8121

31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
32.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển; - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng; - Quét đường và cào tuyết;	8129
33.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
34.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
35.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Tổ chức sự kiện	8230
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
38.	Đào tạo sơ cấp	8531
39.	Đào tạo trung cấp	8532
40.	Đào tạo cao đẳng	8533
41.	Đào tạo đại học	8541
42.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THANH TÂM	32B, ngách 6/15 Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	175.000.000	35,000	001163006103	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	17.500	175.000.000	35,000		
2	PHẠM MINH NGỌC	55-A15 Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	30,000	035182000123	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	30,000		

3	ĐẶNG XUÂN HÒA	Thôn Đông Dương, Xã Tảo Dương Văn, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	175.000.000	35,000	001054009965
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	17.500	175.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THANH TÂM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/06/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001163006103

Ngày cấp: 06/01/2016

Nơi cấp: Cục Cs ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 32B, ngách 6/15 Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 32B, ngách 6/15 Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội